TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** *Bản án số 27/2024/HNGĐ - ST* *Ngày 01/7/2024* *V/v "Ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Thành.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký Toà án nhân dân quận S thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 01/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Số 25 H, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-HPT ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thùy N, sinh năm 1997. Nơi cư trú: tổ 36 phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

***** *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: tổ 07, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Nguyễn Thùy N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng với gia đình bố mẹ

chồng tại tổ 07, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà thuận, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định không còn yêu thương ông Nguyễn Ngọc T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Ngọc T không có con chung.
- Về tài sản chung: Tôi và ông Nguyễn Ngọc T không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Ngọc T không có nợ chung.

* Ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của ông trong trong quá trình tố tụng và ông cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Nguyễn Thùy N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Trung liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Nguyễn Thùy N đối với ông Nguyễn Ngọc T.
- Về con chung: bà Nguyễn Thùy N và ông Nguyễn Ngọc T không có con chung nên không đề cập giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thùy N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, ông Nguyễn Ngọc T lại vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Nguyễn Thùy N đối với ông Nguyễn Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thùy N và ông Nguyễn Ngọc T kết hôn kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2019 ngày 07/11/2019). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thùy N, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt, không thu thập được lời khai của ông nhưng qua xác minh tại địa phương được biết sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với gia đình bố mẹ chồng tại 905/18 N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Mặc dù mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông bà chỉ phát sinh trong nội bộ gia đình, không gây ồn ào, mất trật tự để tổ dân phố phải can thiệp, hoà giải nhưng thực tế hiện nay hai ông bà đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, bà N về sống tại phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, còn ông T vẫn sống với bố mẹ tại địa phương. Xét thấy việc ông bà chọn giải pháp sống ly thân mỗi người một nơi chứng tỏ mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng để hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà có cơ hội cải thiện tình cảm nhưng ông Nguyễn Ngọc T thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông Nguyễn Ngọc T không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thùy N là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Nguyễn Thùy N và ông Nguyễn Ngọc T không có con chung nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thùy N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, ông Nguyễn Ngọc T thì vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" thì bà Nguyễn Thùy N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thùy N đã nộp tại biên lai thu số 0001889 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thùy N đối với ông Nguyễn Ngọc T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thùy N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T (Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2019 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2019 không còn giá trị pháp lý).

3. Về án phí: bà Nguyễn Thùy N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thùy N đã nộp tại biên lai thu số 0001889 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát quận S;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường A,*
  quận S, thành phố Đà Nẵng;
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa